| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2023
V/v: "*Ly hôn*"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Võ Tấn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Quang Đông
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không có.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2023, về việc "*Ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trịnh Thanh T; địa chỉ số H, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Lâm Đức Q; địa chỉ số A, Đường M, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trịnh Thanh T trình bày:

Sau khi tìm hiểu một thời gian bà và ông Lâm Đức Q tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 04/02/1994. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trong tình cảm và không sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Q. Về con chung, có 01 con chung tên Lâm Cường T1, sinh ngày 01/10/1992, đã trưởng thành, nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lâm Đức Q không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thanh T khởi kiện ông Lâm Đức Q có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long để yêu cầu xin ly hôn; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình "*Ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Lâm Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông Q vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thanh T, Hội đồng xét xử thấy: Bà T và ông Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 04/02/1994, nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; vợ chồng không quan tâm lẫn nhau và ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho ông Q biết việc bà T xin ly hôn nhưng ông Q không có ý kiến phản đối. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Q đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Bà T, ông Q chung sống có 01 con chung tên Lâm Cường T1, sinh ngày 01/10/1992, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trịnh Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thanh T. Bà T được ly hôn với ông Lâm Đức Q.

**2. Về con chung**: Có 01 con chung tên Lâm Cường T1, sinh ngày 01/10/1992, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**3. Về tài sản chung và nợ chung**: Bà Trịnh Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Bà Trịnh Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001906, ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên bà T không phải nộp thêm.

**5. Về quyền kháng cáo**: Báo cho bà Trịnh Thanh T và ông Lâm Đức Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; (số 03, ngày 04/02/1994)
- Lưu: Hồ sơ,…

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Tấn Thành**